Người ký: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ
Thời gian ký: 09.10.2023 16:30:16 +07:00

UBND HUYỆN CẦN GIỜ **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2284/GDĐT V/v thực hiện miễn, giảm học phí, tiền tổ chức học hai buổi ngày và tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh năm học 2023-2024.	*Cần Giờ, ngày 09 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mầm Non, Tiểu học, Trung học cơ sở.

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định 81/2021/NĐ-CP);

Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1291/QĐ-UBND);

Căn cứ Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định 1962/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ nămhọc 2021-2022;

Căn cứ Công văn số 4687/GDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch

vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn số 560/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về phê duyệt chương trình giảm nghèo bền vững của huyện Cần Giờ giai đoạn 2021-2025.;

Căn cứ công văn số 4233/UBND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Để có cơ sở và số liệu tổng hợp, đối chiếu chính xác tiếp theo đó phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Thường trực Ủy ban nhân dân huyện giao dự toán kinh phí miễn, giảm học phí và tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh năm học 2023-2024, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ đề nghị Hiệu trưởng các trường thực hiện, cụ thể như sau:

A. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

I. Phạm vi áp dụng:

- Áp dụng đối với tất cả các loại hình nhà trường ở các cấp học, trình độ đào tạo và cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Áp dụng với trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông.

II. Đối tượng áp dụng:

1. Đối tượng không phải đóng học phí: Học sinh tiểu học trường công lập.

2 Đối tượng được miễn học phí gồm:

2.1. Các đối tượng được quy định tại Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên khuyết tật.

c) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

- Mồ côi cả cha và mẹ;

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

f) Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024).

g) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sỹ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sỹ quan, binh sĩ tại ngũ.

h) Học sinh trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được miễn học phí từ năm học 2022 - 2023 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2022).

i) Học sinh trung học cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều này được miễn học phí từ năm học 2025 - 2026 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2025).

j) Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Đối với học sinh, sinh viên, học viên thuộc chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được quy định như sau:

- Học sinh, học viên, sinh viên **thuộc hộ nghèo** chuẩn Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố từ cấp mầm non đến trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên **bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo** giai đoạn 2021-2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh;

2.3 Đối với trẻ em quy định tại công văn số 4233/UBND ngày 22/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố (nhóm 3, nhóm 4 , nhóm 5 khoản 1 phần III)

- Nhóm 3: Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đều đã tử vong đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú).

- Nhóm 4: Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ nghèo (từ 36 triệu đồng/người/năm trở xuống) đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú).

- Nhóm 5: Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại có mức thu nhập bằng hộ cận nghèo (trên 36 triệu đồng đến 46 triệu đồng/người/năm) đang thực tế cư trú tại địa phương (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Cư trú)

2.4. Đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Nghị quyết 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND

3. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, học viên, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ **bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên**;

- Trẻ em, học sinh, học viên là thành viên thuộc **hộ cận nghèo** Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các trường từ mẫu giáo đến trung học phổ thông công lập và ngoài công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

4. Đối tượng được miễn, giảm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

- Đối tượng được miễn 100% gồm: Học sinh là thành viên thuộc hộ nghèo Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối tượng được giảm 50% gồm: Học sinh là thành viên thuộc hộ cận nghèo Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông bị khuyết tật.

- Học sinh, học viên là thành viên thuộc hộ nghèo Thành phố Hồ Chí Minh đang học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ:

1. Học phí đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông:

Áp dụng mức học phí của năm học do cấp có thẩm quyền ban hành để làm cơ sở tính mức miễn, giảm học phí cho học sinh.

Đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ngoài công lập thì mức học phí được miễn, giảm áp dụng theo mức học phí của trường công lập cùng cấp trên địa bàn.

2. Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

- Các cơ sở giáo dục thực hiện miễn, giảm theo hướng dẫn này, mức cấp bù đối với năm học 2023-2024 chờ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Tiền hỗ trợ chi phí học tập:

- Mức hỗ trợ 150.000 đồng/ tháng/ học sinh, thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/ năm học

III. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN:

1. Đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông:

1.1. Hồ sơ:

1.1.1 Danh sách:

- Danh sách miễn, giảm tiền học phí, tiền học hai buổi ngày cho học sinh năm học 2023-2024 (mẫu số 1)

- Bảng tổng hợp miễn, giảm tiền học phí, tiền học hai buổi ngày cho học sinh năm học 2023-2024 (mẫu số 2)

- Danh sách học sinh nhận tiền hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 (mẫu 01)

- Bảng tổng hợp hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 (mẫu số 2)

1.1.2 Mẫu đơn đề nghị:

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (bao gồm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày): mẫu đơn theo phụ lục II Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập: mẫu đơn theo phụ lục III Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ

1.1.3 Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng sau:

+ Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định Nghị định 81/2021/NĐ-CP;

+ Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định Nghị định 81/2021/NĐ-CP;

+ Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định Nghị định 81/2021/NĐ-CP;

+ Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định Nghị định 81/2021/NĐ-CP;

+ Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định Nghị định 81/2021/NĐ-CP;

+ Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 12 Điều 15 Nghị định Nghị định 81/2021/NĐ-CP;

+ Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc) đối với đối tượng được quy định tại khoản 5, khoản 8, khoản 15 Điều 15 và điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 16 Nghị định này. Kể từ năm học 2024 - 2025 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2024) đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 15 Nghị định này và kể từ năm học 2025 - 2026 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2025) đối tượng quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 15 Nghị định này chỉ phải nộp giấy khai sinh;

+ Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định Nghị định 81/2021/NĐ-CP

+ Giấy xác nhận hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

- **Lưu Ý:**

- Đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ liên quan nói trên kèm đơn theo mẫu (Phụ lục IV) của Nghị định này.

- Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người

học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo. Việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định sau:

+ Học kỳ I: Ban giảm nghèo bền vững phường - xã - thị trấn căn cứ Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm đầu năm để cấp giấy chứng nhận để học sinh, sinh viên hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp cho cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố thực hiện xét miễn, giảm học phí;

+ Học kỳ II: Ban giảm nghèo bền vững phường - xã - thị trấn căn cứ kết quả kiểm tra hiệu quả giảm nghèo cuối năm (đã có Quyết định công nhận) để cấp giấy chứng nhận cho học sinh, sinh viên hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp cho cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố thực hiện xét miễn, giảm học phí.

*Ví dụ: Năm học 2023-2024, việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện như sau:

Đối với học kỳ I: Ban giảm nghèo bền vững phường - xã - thị trấn căn cứ Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm đầu năm 2023 để cấp giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp cho cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố thực hiện xét miễn, giảm học phí học kỳ I;

Đối với học kỳ II: Ban giảm nghèo bền vững phường - xã - thị trấn căn cứ kết quả kiểm tra hiệu quả giảm nghèo cuối năm 2023 (đã có Quyết định công nhận) để cấp giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp cho cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố thực hiện xét miễn, giảm học phí

- Trường hợp học sinh, sinh viên có thẻ căn cước công dân và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú có thể khai thác từ việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về dân cư với các cơ sở giáo dục đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính, Sở Tài chính, thì cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em, học sinh, sinh viên không phải nộp "Giấy khai sinh" và "Sổ hộ khẩu thường trú".

1.2. Trình tự thực hiện:

Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại các cấp học thuộc chương trình giáo dục phổ thông theo hình thức giáo dục thường xuyên thuộc đối tượng được miễn giảm học phí, tiền tổ chức 2 buổi/ngày, chi phí học tập nộp Đơn (theo mẫu tại Phụ lục II; Phụ lục III; Phụ lục IV Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và bản sao chứng thực giấy tờ minh chứng thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục.

1.3. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 81/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc phòng giáo dục đào tạo: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí học sinh tiểu học tư thục gửi phòng giáo dục và đào tạo thẩm định;

IV. Phương thức cấp hỗ trợ

1. Cấp bù tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục công lập

Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với các cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 81/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Kinh phí thực hiện cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho cơ sở giáo dục công lập được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục công lập được thực hiện đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Khi giao dự toán cho các cơ sở giáo dục, cơ quan chủ quản phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đang theo học tại cơ sở giáo dục công lập;

- Cơ sở giáo dục công lập gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hồ sơ rút dự toán bao gồm: (i) Quyết định giao dự toán của cơ quan có thẩm quyền giao đối với kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí; (ii) Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ miễn, giảm học phí của cơ sở giáo dục công lập kèm danh sách, tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên, đối tượng, tổng số học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường, mức thu học phí của nhà trường, mức học phí miễn, giảm và kinh phí đề nghị cấp bù) và toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; (iii) Giấy rút dự toán theo quy định để rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

- Kho bạc Nhà nước căn cứ Hồ sơ rút dự toán thực hiện kiểm soát và chuyển tiền vào tài khoản thu học phí của cơ sở giáo dục đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và không vượt quá dự toán do cơ sở giáo dục đề nghị rút.

- Kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho cơ sở giáo dục công lập được chuyển và hạch toán vào tài khoản thu học phí của cơ sở này và được tự chủ sử dụng theo số lượng thực tế đối tượng được cấp bù và quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trường hợp dự toán giao thực hiện cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho cơ sở giáo dục công lập cao hơn số lượng đối tượng thụ hưởng thực tế và mức cấp bù theo quy định của Nhà nước thì cơ sở giáo dục báo cáo cơ quan chủ quản để xử lý theo quy định hiện hành.

2. Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập

- Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

- Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho phòng giáo dục và đào tạo để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4;

- Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo và học sinh chưa nhận tiền hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo;

V. THỜI GIAN THỰC HIỆN:

Tất cả các nội dung nêu trên đơn vị thực hiện trên excel, font chữ Time new Roman, bảng mã unicode, kiểu gõ Vni và gửi mỗi thứ 02 bộ bằng giấy có dấu về cho Bà Trần Thị Ánh Tuyết và địa chỉ email: anhtuyet24597@gmail.com. **Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ sẽ không nhận hồ sơ sau thời gian quy định.** Thời gian nộp hồ sơ về Phòng giáo dục cụ thể như sau:

- Miễn giảm học phí, hai buổi học kỳ I năm học 2023-2024: chấm nhất ngày 13/10/2023

- Miễn giảm học phí, hai buổi học kỳ II năm học 2023-2024: chậm nhất ngày 10/03/2024

Trên đây là hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về việc thực hiện miễn, giảm tiền học phí, tiền học hai buổi ngày cho học sinh năm học 2023-2024, đề nghị Hiệu trưởng các trường nghiên cứu và thực hiện đúng theo qui định. Trong quá trình thực hiện nếu các đơn vị có vướng mắc, khó khăn liên hệ trực tiếp Bà Trần Thị Ánh Tuyết, di động 0703981257.

Công văn này thay thế cho Công văn số 2092/GDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện miễn, giảm học phí, tiền tổ chức học hai buổi ngày và tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh năm học 2023-2024.

Nơi nhận:
- Như trên ;
- Trưởng phòng GDĐT;
- Tài vụ;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Võ Thị Diễm Phượng

Phụ lục II
MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
(Dùng cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên công lập)
Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập.

Họ và tên (1) :.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2) :.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số...)*

Căn cứ vào Nghị định số .../2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...
Người làm đơn (3)
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

Phụ lục III

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Dùng cho các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số .../2021/NĐ-CP)

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Họ và tên (1):.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số ..../2021/NĐ-CP)*

Căn cứ vào Nghị định số .../2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...
Người làm đơn (3)
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

Phụ lục IV

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Dùng cho các đối tượng được hưởng đồng thời chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số ..../2021/NĐ-CP)

Kính gửi: Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

Họ và tên (1) :.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:..... :

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số .../2021/NĐ-CP)*

Căn cứ vào Nghị định số .../2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn giảm học phí và cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng ... năm...
Người làm đơn (3)
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên.

Phụ lục: GXN

UBND QUẬN, HUYỆN, TP. THỦ ĐỨC (1)
UBND PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GXN- … (3)….

…. (4)…. , ngày ….. tháng ….. năm 20…

GIẤY XÁC NHẬN

Cho học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2021 – 2025

Năm ……

(5) Ủy ban nhân dân phường-xã-thị trấn.....chứng nhận:
Anh (chị):..... .....
Sinh ngày:....., tháng....., năm .....
Là thành viên của hộ ông/bà ....
Là:
+ Hộ nghèo ☐ mã số hộ:.....
+ Hộ cận nghèo ☐ mã số hộ:.....
Để bổ túc hồ sơ được miễn-giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN
CHỦ TỊCH
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
-.....
-.....
- Lưu: VT, …. (6) A.xx (7)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan, tổ chức cấp giấy xác nhận.
(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức cấp giấy xác nhận.
(4) Địa danh
(5) Nội dung chứng nhận: xác định cụ thể người, sự việc, vấn đề được chứng nhận.
(6) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(7) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).